TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số**: 512/**2026/QĐCNTTLH	*Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Điều 29, Điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 48, Khoản 2 Điều 149, Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 54, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số **483**/2026/TLST-VHNGĐ ngày 06/4/2026 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu:

Ông **Vương Đức T**, sinh năm 1983

CCCD: 001083008711 cấp ngày 24/5/2022

Nơi thường trú và chỗ ở: số A phố T, xóm Đ, phường V, thành phố Hà Nội.

Và bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1991

CCCD số 034191002695 cấp ngày 17/8/2021

Nơi thường trú: thôn D, xã Q, tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở hiện tại: số F ngõ D phố N, phường V, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Vương Đức T và bà Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận H, thành phố Hà Nội (nay là UBND phường V, thành phố Hà Nội). Giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 23/10/2023. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên ông bà cùng đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của ông, bà được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Việc ông bà tự thỏa thuận về lệ phí giải quyết việc dân sự là hoàn toàn tự nguyện nên được ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Vương Đức T và bà Nguyễn Thị Hoài .

- Về con chung: Ông T và bà H cùng xác nhận trong thời kỳ hôn nhân ông bà có 01 con chung là: Vương Tuệ A, sinh ngày 09/11/2023.

Ly hôn, ông bà thống nhất thỏa thuận: Giao con chung là Vương Tuệ A cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Ông T, bà H cùng xác nhận tại thời điểm ly hôn ông bà không có thai chung.

- Về tài sản chung và nhà đất ở chung: Ông T, bà H cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về nợ chung: Ông T, bà H cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Vương Đình T1 tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí ông T1 đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0008014 ngày 03/4/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Việt Anh

<u>Nơi nhận</u>:
- *VKSND khu vực 3 – Hà Nội;*
- *TAND TP Hà Nội;*
- *UBND phường Thanh Trì, HM. HN (nay là UBND phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội) (ĐKKH số 74/23.10.1012);*
- *Phòng THADS khu vực 3 – Hà Nội;*
- *Đương sự và Lưu hồ sơ.*